

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MUỜNG LÁT
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2022/HS-ST
Ngày 30/8/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MUỜNG LÁT - TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Gia Văn Tính – Cán bộ Tư pháp xã Pù Nhi, huyện Mường Lát.
2. Bà Phan Thị Mấy – Phó chủ tịch Hội LHPN huyện Mường Lát.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lâu Văn Chứ, Thư ký - Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát tham gia phiên tòa:
Ông Hà văn Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Lát xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 28/2022/TLST-HS ngày 09 tháng 8 năm 2022; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 37/2022/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 8 năm 2022, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Vi Quang T** - Sinh ngày 08 tháng 3 năm 2004.

Nơi sinh: Xã Mường Chanh, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ĐKKHKT và nơi ở hiện nay: Bản Chai, xã Mường Chanh, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Trình độ học vấn: 11/12; Con ông: Vi Văn S, sinh năm 1980; Con bà: Hà Thị V, sinh năm 1982; Vợ: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo được tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

*** Bị hại:** Chị Nguyễn Thị L, sinh ngày 10 tháng 7 năm 2007

Trú tại: Bản Chai, xã Mường Chanh, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

Người giám hộ của chị Nguyễn Thị L: Chị Lò Thị Eng, sinh năm 1982 (Là mẹ đẻ). Trú tại: Bản Chai, xã Mường Chanh, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

*** Người làm chứng:** Anh Lò Văn V, sinh năm 2000

Trú tại: Bản Chai, xã Mường Chanh, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

* **Người bào chữa cho bị cáo:** Ông Nguyễn Ngọc K- Trợ giúp viên pháp lý – Chi nhánh số 1, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Buổi trưa, ngày 17/4/2022, Vi Quang T cùng bạn là Vi Đức N, sinh năm 2004, ở cùng bạn đi đến lán bán dưa hấu tại bản Sáng, xã Quang Chiêu chơi và uống bia. Một lúc sau, T thấy Nguyễn Thị L và một số người bạn của L cũng vào lán mà T và N đang ngồi nhưng đến ngồi chiếu bên cạnh để uống bia. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, Trường thấy L và một người bạn gái lấy xe máy đi, khoảng 05 phút sau nghe mọi người nói L bị ngã xe máy rồi tất cả mọi người bạn của L chạy nhanh đến chỗ L bị ngã xe để đỡ và đưa L đi Trạm y tế xã Quang Chiêu sơ cứu. Ngay lúc đó, T đã nhìn sang chiếu bên cạnh chỗ vị trí Nguyễn Thị L ngồi trước đó thì thấy 01 chiếc điện thoại Iphone 11 Promax, màu vàng, không có ai trông coi nên T nảy sinh ý định trộm cắp chiếc điện thoại đó mang về sử dụng. Sau đó, T cầm lấy chiếc điện thoại trên bỏ vào túi quần bên phải mình đang mặc, rồi nói với nhóm bạn là nhà T có việc rồi đi về. Trên đường về T lấy máy điện thoại Iphone 11 Promax, màu vàng vừa trộm cắp được ra định tháo sim nhưng không tháo được, thấy điện thoại đang để chế độ máy bay, nên T để vạy đi về nhà, khi về đến nhà T giấu điện thoại trên đầu giường ngủ. Khoảng 20 giờ cùng ngày, T mang điện thoại ra đầu bản Chai, xã Mường Chanh, huyện Mường Lát tháo sim điện thoại, bẻ gãy rồi vứt xuống ruộng, sau đó tiếp tục mang điện thoại về cất giấu trên đầu giường ngủ của mình.

Qua tìm hiểu thì chị Lò Thị Ê được biết là Vi Quang T là người đã trộm cắp chiếc điện thoại của con chị vào ngày 17/4/2022. mình. Ngày 04/5/2022, chị Lò Thị Ê là mẹ đẻ của chị Nguyễn Thị L đã đến Công an huyện Mường Lát báo cáo về nội dung con gái chị bị mất chiếc điện thoại Iphone 11 Promax, màu vàng, thời gian mất là ngày 17/4/2022 khi con gái chị đi cùng các bạn đến ăn dưa hấu và uống nước tại lán bán dưa hấu, thuộc địa phận bản Sáng, xã Quang Chiêu, huyện Mường Lát. Nguồn gốc chiếc điện thoại này là chị mua tại huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa với số tiền tiền là 18.000.000đ, mục đích mua là để cho con gái chị là Nguyễn Thị L dùng liên lạc với gia đình.

Đến ngày 04/5/2022 khi được Công an huyện Mường Lát mời làm việc, viết tường trình thì Vi Quang T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và tự giao nộp 01 điện thoại Iphone 11 Promax, vỏ màu vàng, mà T đã trộm cắp của chị Nguyễn Thị L vào ngày 17/4/2022 tại lán bán dưa hấu, tại bản Sáng, xã Quang Chiêu, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 02/KL- ĐGTS, ngày 13 tháng 5 năm 2022 của Hội đồng định giá tài sản trong TTHS huyện Mường Lát, kết luận: 01 (Một)

điện thoại di động loại Iphone 11 Promax, nhãn hiệu Apple, vỏ màu vàng, màn hình màu đen, bộ nhớ 256Gb, tại thời điểm bị mất trộm có giá trị 13.833.000đ (Mười ba triệu tám trăm ba ba nghìn đồng)

Vật chứng của vụ án: Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại tài sản là vật chứng của vụ án cho chủ sở hữu hợp pháp.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra bị hại đã nhận lại được điện thoại đã bị mất, nên không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm.

Cáo trạng số 40/CT-VKS-ML ngày 08/8/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát truy tố bị cáo Vi Quang T về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Bị hại Nguyễn Thị L trình bày: Tài sản của chị bị mất là điện thoại di động Iphone 11 Promax, nhãn hiệu Apple, vỏ màu vàng, màn hình màu đen, bộ nhớ 256Gb chị đã được nhận lại. Đối với các sim điện thoại, thì giá trị không lớn, nay chị không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm, đồng thời có đơn xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo Vi Quang T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong quá trình điều tra vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa tranh luận và luận tội: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi Trộm cắp tài sản, thái độ ăn năn hối cải; Bị hại đã có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; Bị cáo khẳng định không ai xúi giục hay ép buộc nhận tội thay người khác, nên Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo toàn bộ nội dung Cáo trạng và đề nghị HĐXX:

Về điều luật áp dụng: Điều 65; điểm i, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Về tội danh: Tuyên, bị cáo Vi Quang T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Về hình phạt: Xử phạt bị cáo từ **08-10** tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách theo quy định của pháp luật.

Hình phạt bổ sung: Đề nghị xử phạt bị cáo từ 5.000.000đ đến 10.000.000đ.

Về vật chứng, đề nghị: Không xét.

Về trách nhiệm dân sự: Không ai đề nghị gì, nên không xét.

Về án phí: Áp dụng điểm đ, khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14. Đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo vắng mặt, nhưng có bản luận cứ bào chữa cho bị cáo, đồng tình với quan điểm truy tố của VKS về tội danh, điều luật áp dụng. Người bào chữa đề nghị HĐXX xem xét đến thái độ của bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị hại đã có đơn xin giảm nhẹ hình phạt. Đồng thời, Bị cáo lại là người dân tộc thiểu số, từ nhỏ đã sống ở

vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, nên dẫn đến hạn chế về nhận thức pháp luật. Đề nghị HĐXX, xem xét xử bị cáo một mức án tù 12-15 tháng tù, cho hưởng án treo, mà vẫn có tính răn đe, phòng ngừa; Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền và miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Tại phiên tòa, Bị cáo nhận tội, không thay đổi lời khai, không bổ sung thêm gì, không khai báo thêm tình tiết mới; không có ý kiến tranh luận với đại diện VKS; đồng ý với ý kiến của các Bị hại.

Lời nói sau cùng, bị cáo thấy việc làm của mình là sai, rất ân hận về hành vi trái trái của bản thân, xin nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất và cho hưởng án treo, có điều kiện sửa chữa lỗi lầm.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ; ý kiến của Kiểm sát viên; ý kiến của bị hại và lời nói sau cùng của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mường Lát, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác luôn chấp hành tốt, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Người làm chứng đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, đại diện Viện kiểm sát không yêu cầu triệu tập tham gia phiên tòa. Xét thấy, người làm chứng vắng mặt, nhưng trong hồ sơ vụ án đã có đầy đủ lời khai, việc vắng mặt của người làm chứng không gây trở ngại cho việc xét xử. Căn cứ khoản 1 Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự, HĐXX quyết định xét xử vắng mặt người làm chứng.

[2] Hành vi phạm phạm tội của bị cáo: Ngày 14/7/2022, Vi Quang T đi chơi và uống nước tại quán bán dưa hấu, tại bản Sáng, xã Quang Chiêu, huyện Mường Lát, khi thấy Nguyễn Thị L đi nơi khác và để điện thoại tại chiếu của quán bán dưa hấu cạnh T, T đã lợi dụng sơ hở khi chị Nguyễn Thị L đi ra ngoài và mọi người trong quán không ai để ý, nên T đã trộm cắp chiếc điện thoại Iphone 11 Promax, hiệu Apple của chị Nguyễn Thị L, bỏ vào túi quần đang mặc và đi về nhà, mục đích để sử dụng cho cá nhân. Tổng giá trị của chiếc điện thoại di động mà Vi Quang T trộm cắp qua định giá là 13.833.000đ (Mười ba triệu tám trăm ba mươi ba nghìn đồng). Như vậy, với hành vi phạm tội của bị cáo đã thỏa mãn các quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; Phù hợp với Kết luận điều tra của Cơ quan điều tra và Cáo trạng truy tố của Viện

kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai.

[3] Tính chất vụ án: Bị cáo là người có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, có đầy đủ khả năng nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, bị pháp luật nghiêm cấm nhưng với ý thức xem thường pháp luật, bị cáo đã lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của chủ sở hữu, đã trộm cắp tài sản của người khác, đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ, bị cáo thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, đã gây hoang mang lo sợ trong quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng xấu đến trật tự, trị an, an toàn xã hội tại địa phương.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, thì bị cáo luôn thành khẩn khai báo nhận tội, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị hại đã xin có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, HĐXX cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, để bị cáo thấy sự khoan hồng của pháp luật.

[5] Về hình phạt: Trên cơ sở đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi mà bị cáo đã thực hiện, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo. Nên HĐXX sẽ lên cho bị cáo một hình phạt tù có thời hạn, nhưng xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, phạm tội lần đầu, nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, ổn định, nên không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội, cho hưởng án treo theo Điều 65 BLHS, giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục, vẫn đủ sức răn đe, phòng ngừa, đấu tranh phòng chống tội phạm.

Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, người bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa về mức hình phạt cho bị cáo là tương xứng với hành vi phạm tội. Vì vậy, HĐXX chấp nhận.

Hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính, bị cáo còn phải chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền, đồng thời xét thấy trước tình hình tội phạm về trật tự xã hội tại địa phương đang gia tăng, bị cáo là người có sức khỏe lao động, đang trong độ tuổi lao động và để có nguồn thu cho ngân sách Nhà nước. Nên, HĐXX thấy cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo, để nâng cao giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung. Không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu, nên không xét.

[7] Vật chứng trong vụ án: 01 chiếc điện thoại di động là vật chứng của vụ án. Cơ quan CSĐT Công an huyện Mường Lát đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp. HĐXX chấp nhận.

Đối với chiếc sim điện thoại của chị Nguyễn Thị L không thu giữ được và bị hại không yêu cầu giải quyết, nên HĐXX không xét.

[8] Về án phí: Bị cáo có tội, không thuộc diện hộ nghèo, nên phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

[9] Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Bị cáo; Bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

[10] Đối với Vi Đức N là người đi cùng Vi Quang T, nhưng Nhuận không hề hay biết Trường trộm cắp tài sản, nên không phải chịu trách nhiệm hình sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

Điều 65; điểm i, s khoản 1, khoản 2 điều 51; khoản 1, khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự

Tuyên bố: Bị cáo Vi Quang Trường phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Hình phạt: Xử phạt Bị cáo Vi Quang T **12** (Mười hai) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **24** (Hai mươi bốn) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Mùong Chanh, huyện Mùong Lát, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Phạt bổ sung là phạt tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) đối với bị cáo Vi Quang T.

Vật chứng: Đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp.

Biện pháp tư pháp: Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú của Tòa án nhân dân huyện Mùong Lát đối với Vi Quang T sẽ hết hiệu lực khi bản án có hiệu lực thi hành.

Án phí: Áp dụng khoản 2 điều 135, khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Khoản 1, Điều 23, Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Vi Quang T phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí Hình sự sơ thẩm.

Kháng cáo, kháng nghị: Căn cứ điều 331; điều 333 và điều 337 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Án xử công khai; Có mặt Bị cáo, Bị hại và Người giám hộ cho bị hại; vắng mặt người bào chữa; Bị cáo, Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7, điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án căn cứ điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Phòng 7- VKS nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- VKS nhân dân huyện Mường Lát;
- Cơ quan CSĐT- Công an H. Mường Lát;
- Bộ phận hồ sơ – Công an huyện Mường Lát;
- Chi cục THADS huyện Mường Lát;
- UBND xã Mường Chanh, huyện Mường Lát;
- Bị cáo Vi Quang Trường;
- Bị hại;
- Người bào chữa;
- Hồ sơ Thi hành án Hình sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tiến Dũng

